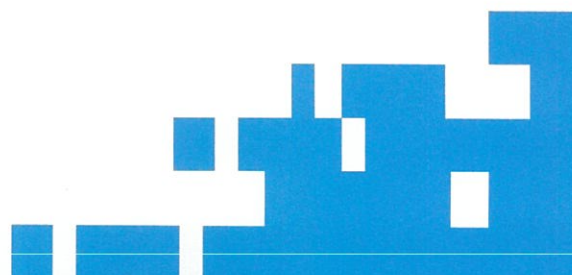


CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2026



MỤC LỤC

Trang

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

1 – 2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

3 – 4

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

5 – 6

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

7

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

8

Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc

9 – 34

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Logistics Vinalink (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2026.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Nam Tiến	Chủ tịch
Ông Vũ Quốc Bảo	Thành viên
Ông Vũ Thế Đức	Thành viên (không điều hành)
Ông Nguyễn Quốc Huy	Thành viên (không điều hành)
Ông Đỗ Phú Kim	Thành viên (không điều hành)

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Phan Phương Tuyền	Trưởng ban
Bà Lê Thị Ngọc Anh	Thành viên
Ông Dương Trần An	Thành viên

Ông Vũ Quốc Bảo là Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Vũ Quốc Bảo
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 08 năm 2026

Số: 45/2026/SX-RSMHCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: Các cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Logistics Vinalink, được lập ngày 26 tháng 08 năm 2026, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Logistics Vinalink chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

(Xem trang tiếp theo)

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

Lục Thị Vân
Phó Tổng giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2023-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 08 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
Tại ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2026	Tại ngày 01/01/2026
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		424.432.539.485	420.359.708.473
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	78.419.444.128	83.336.388.743
1. Tiền	111		39.313.635.910	44.267.517.510
2. Các khoản tương đương tiền	112		39.105.808.218	39.068.871.233
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	20.106.904.110
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	20.106.904.110
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		340.343.442.497	310.801.199.706
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	324.037.972.807	296.263.542.140
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		11.995.612.954	12.926.499.230
3. Phải thu ngắn hạn khác	135		5.616.199.967	2.917.501.567
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136		(1.306.343.231)	(1.306.343.231)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	160		5.669.652.860	6.115.215.914
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161		237.695.283	487.992.745
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		4.878.978.008	5.102.990.977
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	5.7	552.979.569	524.232.192
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		102.293.443.232	101.694.329.858
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.475.896.208	2.368.120.696
1. Phải thu dài hạn khác	215		2.475.896.208	2.368.120.696
II. Tài sản cố định	220		47.514.115.541	46.772.248.288
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.4	21.013.835.697	20.233.359.392
Nguyên giá	222		55.588.076.005	55.118.627.607
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(34.574.240.308)	(34.885.268.215)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.5	26.500.279.844	26.538.888.896
Nguyên giá	228		27.248.000.000	27.155.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(747.720.156)	(616.111.104)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	260	5.2	52.180.106.184	52.180.106.184
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		42.902.493.302	42.902.493.302
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		9.510.150.000	9.510.150.000
3. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264		(232.537.118)	(232.537.118)
IV. Tài sản dài hạn khác	270		123.325.299	373.854.690
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271		123.325.299	373.854.690
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280		526.725.982.717	522.054.038.331

(Xem trang tiếp theo)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2026	Tại ngày 01/01/2026
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		179.489.326.313	194.943.002.949
I. Nợ ngắn hạn	310		139.123.611.313	154.577.060.449
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.6	89.451.274.038	85.076.205.446
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.217.090.595	2.491.076.522
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.7	11.669.622.663	10.419.588.136
4. Phải trả người lao động	315	5.8	12.533.817.693	39.099.550.892
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	316		14.436.778.344	8.032.232.412
6. Phải trả ngắn hạn khác	320	5.9	7.870.910.561	8.482.389.622
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		944.117.419	976.017.419
II. Nợ dài hạn	330		40.365.715.000	40.365.942.500
1. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337	5.10	7.500.000.000	7.500.000.000
2. Phải trả dài hạn khác	338	5.9	32.865.715.000	32.865.942.500
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.11.1	347.236.656.404	327.111.035.382
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	5.11.2	141.404.870.000	141.404.870.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		141.404.870.000	141.404.870.000
2. Thặng dư vốn	412		4.950.000.000	4.950.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		10.000.000.000	10.000.000.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		190.881.786.404	170.756.165.382
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	420a		157.790.775.782	125.554.451.156
LNST chưa phân phối kỳ này	420b		33.091.010.622	45.201.714.226
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		526.725.982.717	522.054.038.331

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT



Lê Thị Thanh Thanh



Nguyễn Anh Nam




Vũ Quốc Bảo

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 08 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		768.092.652.262	625.321.393.243
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	5.13	768.092.652.262	625.321.393.243
3. Giá vốn hàng bán	11	5.14	716.675.853.716	582.513.559.451
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		51.416.798.546	42.807.833.792
5. Doanh thu hoạt động tài chính	22	5.15	6.027.779.355	11.525.478.681
6. Chi phí tài chính	23		2.478.995.945	3.176.008.852
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.16	12.434.591.150	12.026.509.124
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		42.530.990.806	39.130.794.497
9. Thu nhập khác	31		55.555.556	45.517.355
10. Chi phí khác	32		95.535.740	13.995
11. Lợi nhuận khác	40		(39.980.184)	45.503.360
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		42.491.010.622	39.176.297.857
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.18	9.400.000.000	6.500.000.000
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		33.091.010.622	32.676.297.857
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.11.5	2.270	2.242
16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	5.11.6	2.168	2.242

NGƯỜI LẬP

KÊ TOÁN TRƯỞNG

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT



Lê Thị Thanh Thanh

Nguyễn Anh Nam

Vũ Quốc Bảo

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 08 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		42.491.010.622	39.176.297.857
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.17	1.523.451.645	1.308.815.485
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		158.892.797	825.210.387
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(3.652.253.824)	(7.090.708.604)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		40.521.101.240	34.219.615.125
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(27.572.977.028)	(36.199.458.354)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(16.722.393.511)	(164.881.445)
Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		500.826.853	454.590.485
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	5.7	(8.778.946.188)	(5.790.204.120)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.445.455.556)	(990.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(13.497.844.190)	(8.470.838.309)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.453.412.266)	(325.300.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		148.148.148	45.370.367
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	(10.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		20.106.904.110	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(1.000.000.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.032.191.782	1.473.495.730
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		19.833.831.774	(9.806.433.903)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	5.11.3	(11.312.389.600)	(14.140.487.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(11.312.389.600)	(14.140.487.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ				
(50 = 20+30+40)	50		(4.976.402.016)	(32.417.759.212)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		83.336.388.743	85.191.102.924
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		59.457.401	58.420.708
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ				
(70 = 50+60+61)	70		78.419.444.128	52.831.764.420

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Lê Thị Thanh Thanh

Nguyễn Anh Nam



Vũ Quốc Bảo

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 08 năm 2026

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Logistics Vinalink trước đây là Xí Nghiệp Đại Lý Vận Tải Và Gom Hàng, được thành lập theo:

- Quyết định số 0776/1999/QĐ/BTM ngày 24 tháng 06 năm 1999 về chuyển đổi Xí Nghiệp Đại Lý Vận Tải Và Gom Hàng thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 064162 ngày 31 tháng 07 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính) Thành phố Hồ Chí Minh cấp.
- Ngày 22 tháng 05 năm 2014, Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Logistics Vinalink theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0301776205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính) Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 07 tháng 10 năm 2025.

Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 90/QĐ-SGDHCM ngày 10 tháng 08 năm 2009 do Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 226/2 Lê Văn Sỹ, phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 141.404.870.000 VND.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ vận tải.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Hoạt động logistics;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ: Kinh doanh vận tải nội địa và quá cảnh (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển);
- Chuyển phát;
- Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không);
- Các dịch vụ về vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu. Đại lý tàu biển, đại lý lưu cước, đại lý quản lý container cho các hãng tàu; cung ứng tàu biển. Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài. Kinh doanh vận tải hàng hóa công cộng. Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và nhận ủy thác xuất nhập khẩu. Dịch vụ thủ tục hải quan và các dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu: tái chế, bao bì, mua bảo hiểm, kiểm kiện. Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Kinh doanh các dịch vụ về kho gom hàng lẻ xuất nhập khẩu (CFS). Kinh doanh kho bảo quản hàng hóa xuất nhập khẩu. Kinh doanh kho bãi theo quy định của pháp luật.

1.4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Trong 6 tháng đầu năm 2026, doanh thu của Công ty tăng gần 23% so với cùng kỳ năm trước. Mức tăng trưởng này chủ yếu đến từ việc Công ty duy trì và phát triển hoạt động khai thác dịch vụ logistics, đặc biệt đối với các nhà máy tại khu công nghiệp. Bên cạnh đó, giá xăng dầu trên thị trường thế giới tăng làm chi phí vận chuyển tăng và được phản ánh vào giá cung cấp dịch vụ. Theo đó, giá vốn cung cấp dịch vụ cũng tăng tương ứng, phù hợp với biến động của doanh thu và chi phí đầu vào trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**1.5. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.6. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Công ty có các công ty con, liên doanh, liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

Tên	Ngành nghề hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty liên doanh, liên kết:					
Công ty Cổ phần Logistics Kim Thành	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	Lô KB4, đường Khúc Thừa Dụ, Khu cửa khẩu Kim Thành, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai	30,00%	56,52%	56,52%
Công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết	Cung cấp dịch vụ đại lý vận chuyển quốc tế	Số 30 đường Phan Thúc Duyện, phường Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh	30,00%	30,00%	30,00%
Công ty Cổ phần Vận Chuyển Vinalink	Dịch vụ đại lý tàu biển; dịch vụ đại lý vận tải đường biển; gửi hàng; giao nhận hàng hóa; hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan	Số 4 Nguyễn Đình Chiểu, phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật	Cung cấp dịch vụ vận tải và giao nhận hàng đông lạnh, hàng hóa xuất nhập khẩu; dịch vụ xây dựng và cho thuê kho bãi; dịch vụ xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị, nhà xưởng	18A Lưu Trọng Lư, phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh	25,00%	9,15%	9,15%
Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển	Cung cấp dịch vụ đại lý vận chuyển quốc tế	Số 46-48 đường Hậu Giang, phường Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh	50,00%	30,00%	30,00%
Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	Cung cấp dịch vụ đại lý vận tải biển, làm đại lý container, thực hiện các nghiệp vụ khác theo ủy quyền	Số 436 - 438 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bàn Cờ, Thành phố Hồ Chí Minh	33,33%	20,00%	20,00%
Công ty TNHH Hệ thống phần mềm quản lý Logistics	Lập trình, tư vấn hệ thống quản lý Logistics; Phân tích thiết kế hệ thống Logistics	Lầu 2, 68 Nguyễn Huệ, phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh	40,00%	40,00%	40,00%

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

1.6. Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp theo)

Các đơn vị trực thuộc tính đến 30 tháng 06 năm 2026 gồm:

- Chi nhánh tại Hà Nội được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0113000049 ngày 29 tháng 12 năm 2000. Sau đó, Giấy chứng nhận này được thay đổi bằng Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-001 với lần thay đổi gần nhất là vào ngày 18 tháng 10 năm 2025 do Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp. Ngành nghề hoạt động chính của chi nhánh là vận tải hàng hóa bằng đường bộ, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Chi nhánh tại Hải Phòng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0213005696 ngày 22 tháng 09 năm 2009. Sau đó, Giấy chứng nhận này được thay đổi bằng Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-002 với lần thay đổi gần nhất là vào ngày 24 tháng 11 năm 2025 do Sở Tài chính Thành phố Hải Phòng cấp. Ngành nghề hoạt động chính của chi nhánh là vận tải hàng hóa bằng đường bộ, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Chi nhánh tại Đà Nẵng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-003 ngày 17 tháng 05 năm 2018 với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 18 tháng 03 năm 2026 do Sở Tài chính Thành phố Đà Nẵng cấp để cập nhật thông tin về người đứng đầu. Ngành nghề hoạt động chính của chi nhánh là vận tải hàng hóa bằng đường bộ, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

1.7. Số lượng lao động

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 là 389 (01 tháng 01 năm 2026 là: 371).

Số lượng nhân viên bình quân trong kỳ báo cáo là 386.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.2. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Kể từ năm tài chính 2026, Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính (TT99), thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính (TT200) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo TT99 và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**3.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2026 được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo TT99 và các quy định hiện hành có liên quan.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này không bao gồm đầy đủ các thuyết minh theo yêu cầu đối với báo cáo tài chính năm và vì vậy cần được đọc kết hợp với báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 gần nhất của Công ty.

Trong phạm vi báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty tập trung trình bày các giao dịch và biến động trọng yếu phát sinh trong kỳ.

3.4. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán áp dụng trong kỳ không có thay đổi trọng yếu so với kỳ trước.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Tiền mặt	525.256.211	1.106.844.553
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	38.788.379.699	43.160.672.957
Các khoản tương đương tiền	39.105.808.218	39.068.871.233
Cộng	78.419.444.128	83.336.388.743

Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn như sau:

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	24.269.630.861	33.253.714.935
Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered	8.126.243.226	1.507.269.224
Các ngân hàng khác	6.392.505.612	8.399.688.798
Cộng	38.788.379.699	43.160.672.957

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền (tiếp theo)**

Chi tiết các khoản tương đương tiền như sau:

	Kỳ hạn	Lãi suất	Tại ngày 01/01/2026 VND
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	1 tháng	Từ 3,6% đến 4,1%	29.066.569.863
Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered	1 tháng	4,2%	10.002.301.370
Cộng			39.068.871.233
	Kỳ hạn	Lãi suất	Tại ngày 30/06/2026 VND
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	1 tháng	4,5%	34.090.493.150
Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered	1 tháng	4,3%	5.015.315.068
Cộng			39.105.808.218

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2026			Tại ngày 01/01/2026		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Giá trị dự phòng
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:						
Công ty Cổ phần Logistics Kim Thành	19.120.589.000		(232.537.118)	19.120.589.000		(232.537.118)
Công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết	9.007.800.000		-	9.007.800.000		-
Công ty Cổ phần Vận Chuyển Vinalink	4.000.000.000		-	4.000.000.000		-
Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật	4.908.430.302		-	4.908.430.302		-
Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển	3.918.874.000		-	3.918.874.000		-
Công ty TNHH Hệ Thống Phần Mềm Quản Lý Logistics	1.000.000.000		-	1.000.000.000		-
Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	946.800.000		-	946.800.000		-
Cộng	42.902.493.302		(232.537.118)	42.902.493.302		(232.537.118)
Đầu tư vào đơn vị khác:						
Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung	8.784.000.000	14.581.440.000	-	8.784.000.000	17.128.800.000	-
Công ty TNHH Vận Tải Ô Tô Vinatrans	726.150.000		-	726.150.000		-
Cộng	9.510.150.000		-	9.510.150.000		-

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.2. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)**

(*) Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung trên cơ sở giá giao dịch đóng cửa trên sàn giao dịch chứng khoán UpCOM tại ngày báo cáo và số lượng cổ phần mà Công ty đang nắm giữ.

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư còn lại để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

5.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 30/06/2026		Tại ngày 01/01/2026	
	VND		VND	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm Mục 6.6	87.848.712	-	130.886.233	-
Phải thu khách hàng trong nước:	274.744.773.912	(398.617.203)	243.070.151.154	(398.617.203)
<i>Công ty TNHH Techtronic Industries Việt Nam Manufacturing</i>	63.261.003.636	-	68.018.657.880	-
<i>Công ty TNHH Green Planet Distribution Centre</i>	36.173.525.517	-	37.547.772.293	-
<i>Các khách hàng trong nước khác (dưới 10% trên tổng phải thu ngắn hạn của khách hàng)</i>	175.310.244.759	(398.617.203)	137.503.720.981	(398.617.203)
Phải thu các khách hàng nước ngoài (dưới 10% trên tổng phải thu ngắn hạn của khách hàng)	49.205.350.183	(907.726.028)	53.062.504.753	(907.726.028)
Cộng	324.037.972.807	(1.306.343.231)	296.263.542.140	(1.306.343.231)



CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2026	21.978.829.093	667.950.476	30.831.744.534	1.640.103.504	55.118.627.607
Mua trong kỳ	-	-	2.215.412.266	145.000.000	2.360.412.266
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.890.963.868)	-	(1.890.963.868)
Tại ngày 30/06/2026	21.978.829.093	667.950.476	31.156.192.932	1.785.103.504	55.588.076.005
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2026	11.593.226.241	544.158.814	21.855.709.682	892.173.478	34.885.268.215
Khấu hao trong kỳ	406.566.186	22.933.341	850.418.103	111.924.963	1.391.842.593
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.702.870.500)	-	(1.702.870.500)
Tại ngày 30/06/2026	11.999.792.427	567.092.155	21.003.257.285	1.004.098.441	34.574.240.308
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2026	10.385.602.852	123.791.662	8.976.034.852	747.930.026	20.233.359.392
Tại ngày 30/06/2026	9.979.036.666	100.858.321	10.152.935.647	781.005.063	21.013.835.697

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 25.186.733.490 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)**

Chi tiết danh mục các TSCĐ hữu hình đang hiện hữu trong kỳ như sau:

	Nguyên giá VND	Hao mòn lũy kế VND	Giá trị còn lại VND	Thời gian sử dụng còn lại
Nhà xưởng, vật kiến trúc:				
Tòa nhà văn phòng 226/2 Lê Văn Sỹ, phường Tân Sơn Hòa, TP. Hồ Chí Minh	15.794.980.853	5.923.117.800	9.871.863.053	150 tháng
Các tài sản còn lại	6.183.848.240	6.076.674.627	107.173.613	55 tháng
Máy móc, thiết bị	667.950.476	567.092.155	100.858.321	65 tháng
Phương tiện, vận tải	31.156.192.932	21.003.257.285	10.152.935.647	Từ 17 tháng đến 115 tháng
Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.785.103.504	1.004.098.441	781.005.063	Từ 28 tháng đến 54 tháng
Tại ngày 30/06/2026	55.588.076.005	34.574.240.308	21.013.835.697	

Chi tiết danh mục các TSCĐ hữu hình đã thanh lý, nhượng bán trong kỳ như sau:

	Nguyên giá VND	Hao mòn lũy kế VND	Giá trị còn lại VND	Lỗ VND
Phương tiện, vận tải	1.890.963.868	1.702.870.500	188.093.368	(39.945.219)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.5. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2026	26.130.000.000	1.025.000.000	27.155.000.000
Mua sắm trong kỳ	-	93.000.000	93.000.000
Tại ngày 30/06/2026	26.130.000.000	1.118.000.000	27.248.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2026	-	616.111.104	616.111.104
Khấu hao trong kỳ	-	131.609.052	131.609.052
Tại ngày 30/06/2026	-	747.720.156	747.720.156
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2026	26.130.000.000	408.888.896	26.538.888.896
Tại ngày 30/06/2026	26.130.000.000	370.279.844	26.500.279.844

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 470.000.000 VND.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.5. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình (tiếp theo)**

Chi tiết danh mục các TSCĐ vô hình đang hiện hữu trong kỳ như sau:

	Nguyên giá VND	Hao mòn lũy kế VND	Giá trị còn lại VND	Thời gian sử dụng còn lại
Quyền sử dụng đất	26.130.000.000	-	26.130.000.000	Vô thời hạn
Phần mềm máy vi tính	1.118.000.000	747.720.156	370.279.844	Từ 06 tháng đến 28 tháng
Tại ngày 30/06/2026	27.248.000.000	747.720.156	26.500.279.844	

5.6. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2026 VND		Tại ngày 01/01/2026 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán trong nước	48.695.992.429	48.695.992.429	43.559.619.164	43.559.619.164
Phải trả người bán nước ngoài	40.755.281.609	40.755.281.609	41.516.586.282	41.516.586.282
Cộng	89.451.274.038	89.451.274.038	85.076.205.446	85.076.205.446

Không có người bán nào chiếm từ 10% trở lên trên tổng số phải trả người bán ngắn hạn.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.7. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 30/06/2026		Trong kỳ			Tại ngày 01/01/2026	
	VND		VND			VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Đã khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	302.354.382	22.716.662.282	1.045.687.195	21.719.439.343	-	350.818.638
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	9.400.000.000	9.400.000.000	8.778.946.188	-	-	8.778.946.188
Thuế thu nhập cá nhân chi nhánh Hải Phòng	28.747.377	-	104.706.134	133.883.271	-	-	429.760
Thuế thu nhập cá nhân Trụ sở và các chi nhánh khác	-	1.578.239.249	9.140.773.098	8.493.834.123	-	-	931.300.274
Thuế nhà đất và tiền thuê đất (*)	524.232.192	-	-	-	-	524.232.192	-
Các loại thuế khác	-	389.029.032	1.290.715.762	1.259.780.006	-	-	358.093.276
Cộng	552.979.569	11.669.622.663	42.652.857.276	19.712.130.783	21.719.439.343	524.232.192	10.419.588.136

(*) Trong năm 2018, Công ty Cổ phần Logistics Vinalink đã nhận được các văn bản từ các cơ quan hữu quan như sau:

- Thông báo số 14379/TB-CT-KTTĐ ngày 12 tháng 09 năm 2018 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh về việc xác định lại đơn giá tiền thuê đất giai đoạn năm 2016 - 2020, theo đó đơn giá được xác định lại này thấp hơn so với đơn giá đang được Công ty áp dụng theo các Thông báo của Chi cục Thuế Quận 4;
- Biên bản làm việc giữa Chi cục Thuế Quận 4 và Công ty ngày 26 tháng 12 năm 2018, theo đó:
 - Chi cục Thuế Quận 4 đồng ý điều chỉnh đơn giá tiền thuê đất năm 2018 theo Thông báo số 14379/TB-CT-KTTĐ ngày 12 tháng 09 năm 2018 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh và sau đó ban hành Thông báo số 163/CCT-TB ngày 14 tháng 01 năm 2019 về việc điều chỉnh tiền thuê đất phải nộp;
 - Trong thời gian chờ kết luận của Kiểm toán Nhà Nước đang tiến hành kiểm tra, Chi cục Thuế Quận 4 chưa điều chỉnh đơn giá tiền thuê đất cho giai đoạn năm 2016 – 2017 cho Công ty.

Hiện tại, Chi cục Thuế Quận 4 (nay là Thuế Cơ sở 4) vẫn chưa có quyết định điều chỉnh đơn giá tiền thuê đất cho giai đoạn năm 2016 – 2017 cho Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.8. Phải trả người lao động**

Là quỹ lương trong kỳ còn phải trả cho người lao động tại ngày 30/06/2026.

5.9. Phải trả khác

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Ngắn hạn:		
Hoa hồng phải trả	5.770.055.010	6.512.964.456
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.100.855.551	1.969.425.166
Cộng	7.870.910.561	8.482.389.622
Dài hạn:		
Tạm ứng tiền đền bù di dời (*)	32.800.000.000	32.800.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	65.715.000	65.942.500
Cộng	32.865.715.000	32.865.942.500

(*) Là khoản tiền tạm ứng 80% tổng giá trị đền bù di dời phục vụ dự án chuyển đổi công năng và khai thác kho bãi khu vực 145-147 Nguyễn Tất Thành mà Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội đã trả cho Công ty Cổ Phần Logistics Vinalink theo Hợp đồng nguyên tắc số 2392/HĐĐB.14 ngày 14 tháng 11 năm 2014 – Xem thêm Mục 6.10.

5.10. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn

Là khoản lợi nhuận hợp tác kinh doanh nhận trước theo hợp đồng số 2391/HĐHT.14 ngày 14 tháng 11 năm 2014 còn lại chờ phân bổ - Xem thêm Mục 6.10.

Từ năm 2025, căn cứ vào tình hình thực tế, Công ty đã có Công văn số 220A/2025/CV/VNL-ADM ngày 15 tháng 04 năm 2025 điều chỉnh kế hoạch phân bổ lợi nhuận hợp tác kinh doanh nhận trước của hợp đồng 2391/HĐHT.14 nêu trên cho thời gian còn lại đến năm 2029 phù hợp theo tiến độ thực hiện của hợp đồng.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.11. Vốn chủ sở hữu****5.11.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Tổng cộng VND
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	
Số dư tại ngày 01/01/2025	141.404.870.000	4.950.000.000	10.000.000.000	141.057.938.156	297.412.808.156
Lợi nhuận trong 06 tháng đầu năm trước	-	-	-	32.676.297.857	32.676.297.857
Chia cổ tức đợt 2 năm 2024	-	-	-	(7.070.243.500)	(7.070.243.500)
Chia cổ tức đợt 3 năm 2024	-	-	-	(7.070.243.500)	(7.070.243.500)
Trích lập Quỹ Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2024	-	-	-	(1.363.000.000)	(1.363.000.000)
Số dư tại ngày 30/06/2025	141.404.870.000	4.950.000.000	10.000.000.000	158.230.749.013	314.585.619.013
Lợi nhuận trong 06 tháng cuối năm trước	-	-	-	22.423.757.269	22.423.757.269
Chia cổ tức đợt 1 năm 2025	-	-	-	(9.898.340.900)	(9.898.340.900)
Số dư tại ngày 01/01/2026	141.404.870.000	4.950.000.000	10.000.000.000	170.756.165.382	327.111.035.382
Lợi nhuận trong 06 tháng đầu năm nay	-	-	-	33.091.010.622	33.091.010.622
Chia cổ tức đợt 2 năm 2025 (*)	-	-	-	(11.312.389.600)	(11.312.389.600)
Trích lập Quỹ Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2025 (*)	-	-	-	(1.653.000.000)	(1.653.000.000)
Số dư tại ngày 30/06/2026	141.404.870.000	4.950.000.000	10.000.000.000	190.881.786.404	347.236.656.404

(*) Chia cổ tức và trích lập Quỹ Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2025 được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 274/2026/NQ/VNL-ĐHĐCĐ ngày 17/04/2026.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.11.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Vốn góp của Công ty Cổ phần Vinafreight	12.508.450.000	15.610.450.000
Vốn góp của Ông Nguyễn Đức Thắng	7.120.000.000	5.735.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	121.776.420.000	120.059.420.000
Cộng	141.404.870.000	141.404.870.000

5.11.3. Cổ tức đã trả

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cổ tức đã trả trên tổng số của cổ phiếu phổ thông	(11.312.389.600)	(14.140.487.000)

5.11.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2026	Tại ngày 01/01/2026
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.140.487	14.140.487
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.140.487	14.140.487
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.140.487	14.140.487

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

5.11.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	33.091.010.622	32.676.297.857
Tạm trích quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (Quỹ khen thưởng phúc lợi) (*)	(992.730.319)	(980.287.955)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	32.098.280.303	31.696.009.902
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	14.140.487	14.140.487
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.270	2.242

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.11.6. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	33.091.010.622	32.676.297.857
Tạm trích quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (Quỹ khen thưởng phúc lợi) (*)	(992.730.319)	(980.287.955)
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	32.098.280.303	31.696.009.902
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	14.140.487	14.140.487
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phát hành thêm	668.300	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.168	2.242

(*) Quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được trừ ra khi tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu được tạm tính dựa vào tỷ lệ phân bổ trên lợi nhuận sau thuế năm 2026 không quá 3% theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 17 tháng 04 năm 2026.

5.12. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính

	Tại ngày 30/06/2026	Tại ngày 01/01/2026
Ngoại tệ các loại:		
USD	211.623,23	504.548,74
	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Nợ khó đòi đã xử lý do không còn khả năng thu hồi:		
Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Gia Bảo Hưng	9.856.800.000	9.856.800.000
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Xuất Nhập Khẩu Kim Hợp Phát	999.534.500	999.534.500
Công ty TNHH Techcom Life Technologies Việt Nam	426.723.472	426.723.472
Cộng	11.283.057.972	11.283.057.972

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.13. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu miền Nam (trụ sở TP. Hồ Chí Minh)	518.557.233.674	405.900.112.448
Doanh thu miền Bắc (chi nhánh Hà Nội & chi nhánh Hải Phòng)	243.491.956.849	215.166.419.583
Doanh thu miền Trung (chi nhánh Đà Nẵng)	6.043.461.739	4.254.861.212
Cộng	768.092.652.262	625.321.393.243
Trong đó, doanh thu cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 6.6	789.852.996	1.897.337.911

Mục 1.4 của Bản thuyết minh này trình bày nguyên nhân doanh thu kỳ này tăng đáng kể so với kỳ trước.

5.14. Giá vốn cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn miền Nam (trụ sở TP. Hồ Chí Minh)	462.273.898.997	349.540.974.801
Giá vốn miền Bắc (chi nhánh Hà Nội & chi nhánh Hải Phòng)	245.840.495.962	226.933.719.439
Giá vốn miền Trung (chi nhánh Đà Nẵng)	8.561.458.757	6.038.865.211
Cộng	716.675.853.716	582.513.559.451

Giá vốn cung cấp dịch vụ tăng cùng chiều với doanh thu trong kỳ.

5.15. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền từ các bên liên quan – Xem thêm Mục 6.6	2.860.007.262	6.237.571.275
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.229.772.093	4.480.140.444
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	938.000.000	807.766.962
Cộng	6.027.779.355	11.525.478.681

Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty giảm khoảng 48% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do lợi nhuận được chia từ công ty liên doanh, liên kết giảm và biến động tỷ giá hối đoái trong kỳ này thấp hơn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.16. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên	5.790.359.753	5.336.767.728
Chi phí vật liệu	24.285.484	69.782.035
Chi phí đồ dùng văn phòng	156.516.946	81.664.318
Chi phí khấu hao TSCĐ	851.523.246	810.990.247
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.710.154.347	4.856.118.567
Chi phí khác bằng tiền	901.751.374	871.186.229
Cộng	12.434.591.150	12.026.509.124

5.17. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân công	55.431.352.122	48.545.969.460
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.523.451.645	1.308.815.485
Chi phí dịch vụ mua ngoài	632.615.301.754	518.056.862.712
Chi phí khác bằng tiền	39.540.339.345	26.628.420.918
Cộng	729.110.444.866	594.540.068.575

5.18. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Là chi phí thuế TNDN tạm tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ.

6. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1. Tính thời vụ hoặc tính chu kỳ của các hoạt động kinh doanh trong kỳ**

Hoạt động kinh doanh của Công ty không chịu ảnh hưởng trọng yếu bởi yếu tố thời vụ hoặc chu kỳ, do đó kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ phản ánh tương đối đầy đủ xu hướng hoạt động của cả năm tài chính.

6.2. Ước tính kế toán, ảnh hưởng của các thay đổi ước tính kế toán đã được ghi nhận trong các kỳ trước

Công ty xác định rằng không có thay đổi nào trong các ước tính kế toán từ các kỳ trước có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính giữa niên độ hiện tại.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

6.3. Cổ tức đã trả (tổng số hay trên mỗi cổ phần) của cổ phiếu phổ thông

Trong kỳ kế toán giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2026, Công ty có phát sinh việc chi trả cổ tức như sau:

Cổ tức cổ phiếu phổ thông

- Tổng số cổ tức đã chi trả trong kỳ: 11.312.389.600 VND
- Mức cổ tức trên mỗi cổ phần: 800 đồng/cổ phần
- Hình thức chi trả: tiền mặt
- Ngày chốt danh sách cổ đông: 19/03/2026
- Ngày thanh toán: 10/04/2026

Thông tin so sánh cùng kỳ năm trước

Trong kỳ giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2025, Công ty:

- Chi trả cổ tức với tổng giá trị 14.140.487.000 VND
- Mức cổ tức: 1.000 đồng/cổ phần

6.4. Giả định hoạt động liên tục

Ban Giám đốc đánh giá rằng Công ty có đủ nguồn lực để tiếp tục hoạt động trong tương lai gần và không có ý định cũng như không bị buộc phải ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động. Do đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**6.5. Báo cáo bộ phận**

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo khu vực địa lý như sau:

- Miền Nam: Thành phố Hồ Chí Minh;
- Miền Bắc: Thành phố Hà Nội và Thành phố Hải Phòng;
- Miền Trung: Thành phố Đà Nẵng.

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2026:

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Miền Nam		Miền Bắc		Miền Trung		Loại trừ		Tổng cộng	
	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu										
Từ khách hàng bên ngoài	518.557	405.900	243.492	215.167	6.043	4.255	-	-	768.092	625.322
Giữa các bộ phận	4.727	5.722	83.621	78.186	2.864	2.181	(91.212)	(86.089)	-	-
Cộng	523.284	411.622	327.113	293.353	8.907	6.436	(91.212)	(86.089)	768.092	625.322
Kết quả hoạt động kinh doanh										
Kết quả của bộ phận	35.538	35.280	15.559	7.196	319	331	-	-	51.417	42.807
Chi phí không phân bổ									(12.435)	(12.026)
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính									38.982	30.781
Thu nhập tài chính									6.028	11.525
Chi phí tài chính									(2.479)	(3.176)
Lợi nhuận khác									(40)	46
Thuế thu nhập doanh nghiệp									(9.400)	(6.500)
Lợi nhuận sau thuế									33.091	32.676

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

6.5. Báo cáo bộ phận (tiếp theo)

Các thông tin khác

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Miền Nam		Miền Bắc		Miền Trung		Loại trừ		Tổng cộng	
	Tại ngày 30/06/2026	Tại ngày 01/01/2026	Tại ngày 30/06/2026	Tại ngày 01/01/2026	Tại ngày 30/06/2026	Tại ngày 01/01/2026	Tại ngày 30/06/2026	Tại ngày 01/01/2026	Tại ngày 30/06/2026	Tại ngày 01/01/2026
Tài sản của bộ phận	477.230	473.767	112.449	101.041	3.987	3.646	(66.940)	(56.400)	526.726	522.054
Tổng tài sản									526.726	522.054
Nợ phải trả của bộ phận	145.807	163.724	96.956	84.359	3.666	3.260	(66.940)	(56.400)	179.489	194.943
Tổng nợ phải trả									179.489	194.943
	Miền Nam		Miền Bắc		Miền Trung		Loại trừ		Tổng cộng	
	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí mua sắm tài sản	238	325	2.215	-	-	-	-	-	2.453	325
Chi phí khấu hao	1.398	1.212	125	97	-	-	-	-	1.523	1.309

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**6.6. Thông tin về các bên liên quan****Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

1. Công ty Cổ phần Logistics Kim Thành	Công ty liên kết
2. Công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết	Công ty liên kết
3. Công ty Cổ phần Vận Chuyển Vinalink	Công ty liên kết
4. Công ty TNHH Hệ Thống Phần Mềm Quản Lý Logistics	Công ty liên kết
5. Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật	Công ty liên doanh
6. Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển	Công ty liên doanh
7. Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	Công ty liên doanh
8. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và nhân sự quản lý chủ chốt khác	Nhân sự quản lý chủ chốt

Các giao dịch với bên liên quan được thực hiện theo các điều khoản thông thường của thị trường, trừ khi có trình bày khác.

Tổng Giám đốc đánh giá rằng các giao dịch này không làm phát sinh rủi ro trọng yếu cho Công ty.

Các khoản phải thu/phải trả với bên liên quan:

- Không có tài sản đảm bảo
- Không tính lãi
- Bản chất giao dịch: mua bán dịch vụ

Tổng Giám đốc đánh giá các giao dịch này phù hợp với lợi ích của Công ty.

Tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Phải thu thương mại:		
Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật	59.340.312	122.354.233
Công ty Cổ phần Vận Chuyển Vinalink	28.508.400	8.532.000
Cộng - Xem thêm Mục 5.3	87.848.712	130.886.233

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cung cấp dịch vụ:		
Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật	664.122.996	1.030.971.105
Công ty Cổ phần Vận Chuyển Vinalink	125.730.000	12.550.000
Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển	-	853.816.806
Cộng - Xem thêm Mục 5.13	789.852.996	1.897.337.911

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**6.6. Thông tin về các bên liên quan (tiếp theo)**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Nhận cung cấp dịch vụ:		
Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	1.146.848.613	1.103.333.251
Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật	335.963.004	66.678.500
Công ty Cổ phần Vận Chuyển Vinalink	73.657.786	55.115.204
Công ty TNHH Hệ Thống Phần Mềm Quản Lý Logistics	90.000.000	410.000.000
Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển	-	46.670.215
Cộng	1.646.469.403	1.681.797.170
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cổ tức được nhận:		
Công ty TNHH Vận tải Việt Nhật	1.660.007.262	1.437.571.275
Công ty Cổ phần Vận Chuyển Vinalink	1.200.000.000	800.000.000
Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	-	4.000.000.000
Cộng – Xem thêm Mục 5.15	2.860.007.262	6.237.571.275

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan.

Giá dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là theo giá thỏa thuận. Việc mua dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**6.6. Thông tin về các bên liên quan (tiếp theo)**

Lương, thù lao và các khoản chi phí khác của các thành viên Hội đồng quản trị ("HĐQT"), Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty trong kỳ như sau:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Ông Nguyễn Nam Tiến	Chủ tịch HĐQT	2.277.223.414	2.178.756.554
Ông Vũ Quốc Bảo	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc	2.686.836.648	2.623.657.864
Ông Vũ Thế Đức	Thành viên HĐQT	191.800.000	131.000.000
Ông Nguyễn Quốc Huy	Thành viên HĐQT	185.800.000	125.000.000
Ông Đỗ Phú Kim	Thành viên HĐQT	185.800.000	125.000.000
Bà Nguyễn Anh Nam	Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng	1.412.068.903	1.318.988.918
Bà Nguyễn Đỗ Anh Thư	Giám đốc pháp chế	954.798.350	1.003.204.727
Bà Phan Phương Tuyền	Trưởng Ban Kiểm soát	185.800.000	125.000.000
Bà Lê Thị Ngọc Anh	Thành viên Ban Kiểm soát	64.800.000	46.500.000
Ông Dương Trần An	Thành viên Ban Kiểm soát	64.800.000	46.500.000

Cộng		8.209.727.315	7.723.608.063
-------------	--	----------------------	----------------------

		Kỳ này VND	Kỳ trước VND
--	--	-----------------------	-------------------------

Cổ tức đã chia:

Ông Nguyễn Nam Tiến	85.712.000	104.740.000
Ông Vũ Quốc Bảo	88.960.000	109.600.000
Ông Vũ Thế Đức	388.464.000	485.580.000
Ông Nguyễn Quốc Huy	26.124.000	32.655.000
Bà Nguyễn Anh Nam	24.000.000	27.500.000
Bà Nguyễn Đỗ Anh Thư	12.828.000	16.035.000
Bà Phan Phương Tuyền	5.268.000	6.585.000
Bà Lê Thị Ngọc Anh	2.628.000	3.285.000
Ông Dương Trần An	15.276.000	19.095.000

Cộng	649.260.000	805.075.000
-------------	--------------------	--------------------

6.7. Cam kết khác

Tại ngày báo cáo, ngoài các cam kết đã thuyết minh, Công ty không có nghĩa vụ trọng yếu tiềm tàng nào khác.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**6.8. Số liệu so sánh*****Phân loại lại***

Trong kỳ, Công ty đã thực hiện phân loại lại số liệu so sánh của kỳ trước nhằm phù hợp với cách trình bày của kỳ hiện tại.

Ảnh hưởng của việc phân loại lại như sau:

Chỉ tiêu	Trước điều chỉnh VND	Điều chỉnh tăng/(giảm) VND	Sau điều chỉnh VND
<i>Báo cáo tình hình tài chính: (*)</i>			
Các khoản tương đương tiền	39.000.000.000	68.871.233	39.068.871.233
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	20.000.000.000	106.904.110	20.106.904.110
Phải thu ngắn hạn khác	3.093.276.910	(175.775.343)	2.917.501.567
<i>Báo cáo kết quả HĐKD: (**)</i>			
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.265	(23)	2.242
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.265	(23)	2.242

(*) Việc phân loại lại này chỉ ảnh hưởng đến cách trình bày các khoản mục trên Báo cáo tài chính và không làm thay đổi tổng tài sản, tổng nợ phải trả, vốn chủ sở hữu, lợi nhuận sau thuế của kỳ trước và tổng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ của kỳ trước.

(**) Việc báo cáo lại thông tin so sánh về lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu nêu trên là do Công ty đã trích lập Quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2025 (Quỹ khen thưởng phúc lợi) được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 274/2026/NQ/VNL-ĐHĐCĐ ngày 17/04/2026 (báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025 được ghi nhận theo số tạm tính).

6.9. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Vào ngày 31 tháng 07 năm 2026, Công ty đã nhận được Công văn số 7162/UBCK-QLCB của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước ("UBCKNN") thông báo về việc đã công bố trên trang thông tin điện tử của UBCKNN về việc nhận được đầy đủ Tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty. Việc phát hành cổ phiếu này được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 247/2026/NQ/VNL-ĐHĐCĐ ngày 17/04/2026, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 302/2026/NQ/VNL-HĐQT ngày 22/05/2026 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 426/2026/NQ/VNL-HĐQT ngày 20/07/2026 với phương án đăng ký phát hành 707.000 cổ phiếu với giá phát hành 10.000 VND/cổ phiếu và phương án sử dụng vốn dùng để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 710/2026/NQ/VNL-HĐQT ngày 24/08/2026 đã thông qua kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty, với tổng số cổ phiếu đã phân phối là 668.300 cổ phiếu, tương ứng 94,53% tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành.

Ngoài sự kiện như đã nêu trên, sau ngày kết thúc kỳ kế toán, không có sự kiện trọng yếu cần điều chỉnh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**6.10. Các thông tin khác**

Ngày 14/11/2014, Công ty có ký kết Hợp đồng hợp tác khai thác kinh doanh số 2391/HĐHT.14 và Hợp đồng nguyên tắc số 2392/HĐĐB.14 về việc đền bù di dời phục vụ dự án tại số 145-147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 145 – 147 Nguyễn Tất Thành, phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh) với Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội. Theo hợp đồng số 2391/HĐHT.12, Công ty nhận trước tiền phân chia lợi nhuận hợp tác khoán gọn đến ngày 31/07/2029 với số tiền là 36 tỷ VND và được phân bổ vào doanh thu hằng năm dựa vào lịch trình theo công văn số 1360/2016/CV/VNL-ADM ngày 01/10/2016, Công văn số 420/2021/CV/VNL-ADM ngày 01/04/2021, và Công văn số 220A/2025/CV/VNL-ADM ngày 15/04/2025. Và theo hợp đồng số 2392/HĐĐB.14, Công ty sẽ bàn giao toàn bộ tài sản theo hiện trạng tại văn phòng Công ty (gồm toàn bộ hệ thống kho với tổng diện tích sàn kho 9.397,08 m², văn phòng làm việc, nhà bếp, nhà ăn, toàn bộ sân xi măng bên trong khuôn viên và các hạng mục phụ trợ như hệ thống chiếu sáng, hệ thống PCCC, hệ thống cấp thoát nước, tường rào, trạm điện hiện diện trên khu đất) để Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội quản lý, khai thác. Theo thỏa thuận trên hợp đồng, Công ty sẽ bàn giao cho Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội toàn bộ tài sản trên khu đất và từ chối mọi quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến tài sản trên khu đất bao gồm cả quyền quản lý, khai thác khu đất cho đến khi cơ quan thẩm quyền chấp thuận chủ trương cho Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội được làm chủ đầu tư dự án. Việc di dời các hoạt động hiện tại của Công ty đi nơi khác sẽ được thực hiện chậm nhất 24 tháng sau ngày ký kết các hợp đồng này.

Đến tháng 01 năm 2019, Công ty đã di dời hoạt động sang địa điểm kinh doanh mới tại Số 226/2 Lê Văn Sỹ, phường Tân Sơn Hòa, TP Hồ Chí Minh, và bàn giao toàn bộ tài sản theo hiện trạng tại mặt bằng 145 – 147 Nguyễn Tất Thành, phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh cho Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội theo hợp đồng hợp tác kinh doanh nói trên.

Tuy nhiên, đến nay các Hợp đồng hợp tác khai thác kinh doanh và Hợp đồng nguyên tắc như trên vẫn chưa được thanh lý do Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh chưa có quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án và các quyết định có liên quan tại địa điểm 145 – 147 Nguyễn Tất Thành, phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hiện tại, Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội có liên quan đến vụ án hình sự “Trương Mỹ Lan và đồng phạm” dựa trên văn bản án hình sự phúc thẩm số 1125/2024/HS-PT ngày 03/12/2024 trên cổng thông tin điện tử của Tòa án. Trong đó, Hội đồng xét xử đã tuyên án phúc thẩm về việc kê biên đối với tài sản là thửa đất số 1-755 tờ bản đồ số 10 Sài Gòn Khánh Hội tại địa chỉ 145-147 Nguyễn Tất Thành, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh để đảm bảo nghĩa vụ bồi hoàn cho bị cáo Trương Mỹ Lan trong toàn bộ vụ án trong trường hợp Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh giao đất cho Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội, hoặc để đảm bảo việc Công ty sẽ hoàn trả lại khoản tiền tạm ứng đền bù di dời – Xem thêm Mục 5.9 trong trường hợp Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh không giao đất cho Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội.

Công ty vẫn đang tiếp tục làm việc với đối tác về việc thực hiện các hợp đồng đã ký kết và những vấn đề phát sinh có liên quan.

*Phê duyệt, ngày 26 tháng 08 năm 2026***NGƯỜI LẬP****KẾ TOÁN TRƯỞNG****NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT****Lê Thị Thanh Thanh****Nguyễn Anh Nam****Vũ Quốc Bảo**